

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày: 13-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**; Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

2. Bà **Nguyễn Thị Kiều Diễm**; Nghề nghiệp: Cán bộ;

Nơi công tác: Phòng nội vụ huyện Tiểu Cần.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Võ Văn Tư** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Chí B sinh ngày 01/01/1999, tại huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở hiện nay: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D, sinh năm 1972 còn sống và Phan Thị Hồng N, sinh năm 1980 còn sống; không có vợ con; tiền án, tiền sự: Không, tuy nhiên vào ngày 22/12/2017 bị Công an huyện Tiểu Cần phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt); bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/01/2018 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

1. Ông Phan Hoàng T, sinh năm 1958 (Vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Phan Thị Hồng N, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Dương Hải Đ, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp A1, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng).

2. Chị Thạch Thị H, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp A1, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng).

3. Anh Hà Văn H, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng).

4. Anh Thạch Duy P, sinh năm 1991; Địa chỉ: khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng).

5. Anh Nguyễn Văn Khánh N, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng).

6. Anh Phan Văn Toàn E, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

7. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp A2, xã Hiếu Tử, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng).

8. Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1956; Địa chỉ: khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng).

9. Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1959; Địa chỉ: khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại cáo trạng số 10/CT-VKSND-TC, ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Lê Chí B về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự với hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo Lê Chí B về ở chung với ông, bà ngoại là ông Phan Hoàng T và bà Nguyễn Thị Đ, tại ấp A, xã B, huyện T từ tháng 10 năm 2017, đến ngày 17/12/2017 bị cáo rượt bắt con gà, thì con gà bay lên giá thờ phật Quan Âm, bị cáo leo lên đứng trên cái bàn dài để bắt con gà, lúc bắt con gà thì bị cáo phát hiện phía sau tấm ảnh phật Quan Âm có cái bọc màu đen, bị cáo mở ra xem, thấy một sợi dây chuyền và một chiếc nhẫn của ông T và bà Đ cất giấu, xem xong bị cáo để vào vị trí cũ.

Đến ngày 20/12/2017 ông T và bà Đ đi vắng, chỉ còn một mình bị cáo ở nhà, bị cáo mới leo lên đứng trên cái bàn dài và lấy cái bọc màu đen phía sau tấm ảnh phật Quan Âm, rồi cầm đi đến cầu ông tư V, nhìn xung quanh không thấy ai, bị cáo mở cái bọc ra lấy một sợi dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ và một chiếc nhẫn trơn vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ của ông T và bà Đ bỏ

vào túi quần, còn cái bọc đen và cái túi đựng vàng màu đỏ bị cáo ném xuống sông, rồi bị cáo đi đến nhà trọ Huỳnh N thuộc ấp A1, xã B, huyện Tiểu Cần, lúc này khoảng 10 giờ, bị cáo vào phòng trọ của anh Dương Hải Đ sinh năm 1987 và chị Thạch Thị H sinh năm 1997, bị cáo lấy chiếc nhẫn ra cầm trên tay và nói: Anh Đ ơi ! anh có xe anh đi cầm dùm em chiếc nhẫn, em mới mượn của ngoại em. Anh Đ nói: Ừ. Bị cáo đưa chiếc nhẫn cho anh Đ và hỏi: Chiếc nhẫn này cầm được bao nhiêu tiền? Anh Đ nói: Khoảng năm triệu đồng. Bị cáo nói: Vậy anh cầm năm triệu đồng dùm em đi. Anh Đ đưa chiếc nhẫn cho chị H và nói: Em lấy đi cầm dùm nó đi. Chị H lấy chiếc nhẫn, thì bị cáo nói: Chị ra tiệm vàng 6 V ở thị trấn T cầm dùm em. Chị H lấy xe đi ra tiệm vàng của anh Nguyễn Minh C (6 V) tại khóm 1, thị trấn T, cầm chiếc nhẫn được 5.000.000 đ (năm triệu đồng), rồi chị H quay trở về đưa cho bị cáo năm triệu đồng và một hợp đồng cầm đồ. Sau đó bị cáo đi đến tiệm game bắn cá của Hà Văn H sinh năm 1993 đặt tại ấp A, xã B, huyện T chơi game. Đến khoảng 20 giờ ngày 21/12/2017 thì hết tiền, bị cáo tiếp tục lấy sợi dây chuyền ra cầm cho anh H với giá ba triệu đồng, lúc này sợi dây chuyền còn nguyên chưa bị đứt, anh H lấy đi hơi lừa để thử xem vàng thật hay vàng giả, nhưng bị cáo không đi theo, sau đó anh H nói là vàng giả không chịu cầm và trả lại cho bị cáo lúc này sợi dây chuyền đã bị đứt, bị cáo lấy bỏ vào túi quần rồi ở tại tiệm game đến khoảng 08 giờ ngày 22/12/2017 bị cáo gặp anh Thạch Duy P, bị cáo mới nhờ anh P chở ra Tiểu Cần để cầm dây chuyền, trên đường đi thì gặp anh Phan Văn Toàn E là cậu của bị cáo chạy theo chặn xe lại và báo với công an, khi anh P dừng xe lại, thì bị cáo nhét sợi dây chuyền vào lưng quần của anh P và nói: Anh đem về đưa lại cho anh Đ dùm em. Sau đó công an đến mời bị cáo về cơ quan làm việc, đến chiều công an cho bị cáo về nhà, bị cáo gọi điện hỏi anh Đ: P có ở đó không? Anh Đ nói: P đưa sợi dây chuyền cho anh giữ nè. Bị cáo nói: Để chút em chạy lên lấy. Bị cáo gọi điện nhờ anh Nguyễn Văn Khánh N, sinh năm 1997 chở bị cáo lên nhà trọ Huỳnh N, thì anh Đ đưa sợi dây chuyền lại cho bị cáo cất vào túi quần, rồi ngồi nói chuyện, lúc này anh Bùi Văn T, sinh năm 1989 đến chơi, nên bị cáo cùng với anh N và anh T uống rượu tại phòng trọ của anh Đ, đến khoảng 20 giờ thì nghỉ uống rượu, anh T đi lại tiệm game của anh H trước, còn bị cáo với anh N thì đi sau, khi ra tới xe bị cáo lấy sợi dây chuyền đưa cho anh N cất giữ và kêu anh N sáng ngày mai đem đi cầm dùm, anh N đồng ý. Khi đến tiệm game, bị cáo mượn của anh T 250.000 đồng để chơi game. Sau đó mẹ của bị cáo đến chở bị cáo về nhà. Đến sáng ngày 23/12/2017 anh N chở anh T đến tiệm vàng của bà Trương Thị Đ tại khóm 1 thị trấn T, cầm sợi dây chuyền được 4.000.000 đồng, rồi chạy trở về rước bị cáo lên cầu Bà Lãnh, anh N đưa tiền và hợp đồng cầm đồ cho bị cáo, sau đó bị cáo trả cho anh T 250.000 đồng, trả cho anh N 1.000.000 đồng mà bị cáo đã mượn trước đó và bị cáo cho anh N mượn thêm 1.000.000 đồng để chuộc điện thoại. Số tiền còn lại bị cáo chơi game hết.

Theo kết luận số: 04 ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần, thì một chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24k, loại 9,9 tuổi, trọng lượng 02 chỉ, có giá trị 7.060.000 đồng và một sợi dây chuyền bằng

vàng 24k, loại 9,7 tuổi, trọng lượng 05 chỉ kiểu N khoen lật, có giá trị 17.650.000 đồng. Tổng cộng là 24.710.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm có: 01 (Một) chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24k, loại 9,9 tuổi, trọng lượng 02 chỉ, 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 24k, loại 9,7 tuổi, trọng lượng 04 chỉ 03 phân 03 ly kiểu N khoen lật; 02 (hai) hợp đồng cầm đồ.

Đến ngày 25/01/2018 cơ quan điều tra đã trả cho ông Phan Hoàng T 01 (Một) chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24k, loại 9,9 tuổi, trọng lượng 02 chỉ, 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 24k, loại 9,7 tuổi, trọng lượng 04 chỉ 03 phân 03 ly kiểu N khoen lật.

Ngày 06/02/2018 chị Phan Thị Hồng N (là mẹ của bị cáo Lê Chí B) đã trả cho bà Trương Thị Đ 4.000.000 đồng và trả cho anh Nguyễn Minh C 5.000.000 đồng.

Đối với Dương Hải Đ, Thạch Thị H, Hà Văn H, Thạch Duy P, Nguyễn Văn Khánh N, Bùi Văn T, Nguyễn Minh C và Trương Thị Đ không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, nên không có cơ sở để xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Chí B khai đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại ông Phan Hoàng T và bà Nguyễn Thị Đ như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Lê Chí B từ 06 tháng đến 01 năm tù. Về trách nhiệm dân sự các bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị Hồng N không có yêu cầu bồi thường nên đề nghị không xem xét; Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định xử lý xong nên đề nghị không xem xét, về án phí hình sự đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Hoàng T và bà Nguyễn Thị Đ có ý kiến trình bày như sau: Khoảng tháng 10 năm 2017 ông, bà mua 01 (Một) chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24k, loại 9,9 tuổi, trọng lượng 02 chỉ, 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 24k, loại 9,7 tuổi, trọng lượng 05 chỉ, sau đó bà Đ đem cất trên giá bằng nhôm kiếng được gắn trên tường nhà trước (đề phía sau tấm ảnh phật bà Quan Âm), đến khoảng 21 giờ ngày 21/12/2017 bà Đ đến kiểm tra thì phát hiện số vàng trên bị mất, người lấy trộm tài sản của ông, bà là bị cáo Lê Chí B (cháu ngoại), hiện nay ông, bà đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường, về trách nhiệm hình sự yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chị Phan Thị Hồng N trình bày: Chị là mẹ ruột của bị cáo, ngày 20/12/2017 ông T, bà Đ đi vắng bị cáo ở nhà lấy trộm tài sản của ông T, bà Đ

gồm 01 (Một) chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24k, loại 9,9 tuổi, trọng lượng 02 chỉ, 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 24k, loại 9,7 tuổi, trọng lượng 05 chỉ đem đi cầm 9.000.000 đồng và chị đã chuộc tài sản trả cho ông T, bà Đ và ông T, bà Đ không có yêu cầu bồi thường, chị cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Dương Hải Đ, chị Thạch Thị H, anh Hà Văn H, anh Thạch Duy P, anh Nguyễn Văn Khánh N, anh Bùi Văn T, ông Nguyễn Minh C và bà Trương Thị Đ có đơn xin vắng mặt ông Phan Hoàng T và anh Phan Văn Toàn E, vắng mặt không lý do những người này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định.

[2] Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Lê Chí B về tội danh và điều luật như đã viện dẫn trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận ngày 20/12/2017, bị cáo lén lút lấy trộm của ông T, bà Đ 01 (Một) chiếc nhẫn trơn, bằng vàng 24k, loại 9,9 tuổi, trọng lượng 02 chỉ, 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 24k, loại 9,7 tuổi, trọng lượng 05 chỉ kiểu N khoen lật đem cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và người làm chứng cũng như phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử quy kết bị cáo Lê Chí B phạm tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Do đó, bản cáo trạng số 10/CT-VKSND-TC, ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Lê Chí B về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ; tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang dư luận trong quần chúng nhân dân làm cho mọi người không an tâm về tài sản của mình.

[4] Hành vi của bị cáo thể hiện cụ thể vào ngày 20/12/2017, bị cáo lén lút trộm 01 (Một) chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24k, loại 9,9 tuổi, trọng lượng 02 chỉ. 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 24k, loại 9,7 tuổi, trọng lượng 05 chỉ kiểu N khoen lật đem cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo đã bị cơ quan điều tra khởi tố và bắt tạm giam từ ngày 11/01/2018 cho đến nay.

[5] Xét tuổi đời của bị cáo vừa tròn 19 tuổi, bị cáo có đầy đủ sức khỏe nhưng không tìm kiếm công việc lao động có thu nhập hợp pháp mà chọn cách kiếm tiền bằng cách chiếm đoạt tài sản của người khác nên bị cáo lao vào con đường phạm tội. Khi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách

nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản chất lười lao động thích có tiền để phục vụ cho nhu cầu cá nhân của mình, nên bất chấp hậu quả, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[6] Xét tính chất phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với tính chất và mức độ phạm tội, Hội đồng xét xử tuyên một mức án cho bị cáo thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét nhân thân của bị cáo, xét thấy bị cáo không có tiền án, tiền sự, từ khi bị khởi tố, điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã tác động và mẹ của bị cáo đã khắc phục hậu quả, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên Tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[8] Đối với anh Dương Hải Đ, chị Thạch Thị H, anh Hà Văn H, anh Thạch Duy P, anh Nguyễn Văn Khánh N, anh Bùi Văn T, ông Nguyễn Minh C và bà Trương Thị Đ không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, nên không có cơ sở để xử lý.

[9] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã giải quyết và bị hại đã nhận lại tài sản xong nên không xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị Hồng N không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Xét thấy, trong quá trình tố tụng từ giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử thì hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Lê Chí B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lê Chí B 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 11/01/2018.

2. Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị Hồng N không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Chí B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Chấm